



**TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM THỦY SẢN VÙNG 1**

Mã hiệu: QĐ05-NAFI1
Lần ban hành: 07
Ngày ban hành: 20/7/2021
Tổng số trang: 06




**QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN**

TÌNH TRẠNG CẬP NHẬT, SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Ngày sửa đổi	Hạng mục và tóm lược nội dung có cập nhật, sửa đổi
20.7.2021	- Bổ sung nội dung sử dụng dấu công nhận tại mục 6.5 - Sửa đổi các BM.QĐ05-NAFI1.01; BM.QĐ05-NAFI1.02; BM.QĐ05-NAFI1.03 và bổ sung BM.QĐ05-NAFI1.04

ĐƠN VỊ NHẬN TÀI LIỆU

Giám đốc Trung tâm	Phòng Chất lượng
Phó Giám đốc Trứng tâm	Phòng Kiểm nghiệm sinh học
QMR	Phòng Kiểm nghiệm hóa học
Phòng HC – TH	

	Biên soạn	Kiểm tra	Phê duyệt
Chức vụ	TKQLCL	Phó Trưởng phòng	Giám đốc
Chữ ký	 Đỗ Thị Liên	 Hoàng Phú Quyền	 Trần Thế Phong



1. Mục đích

Tài liệu này quy định về việc sử dụng logo và dấu chứng nhận của Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 1, bao gồm lĩnh vực chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm và lĩnh vực chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn.

2. Phạm vi áp dụng

Tài liệu này áp dụng đối với Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 1 và các Khách hàng đã được Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 1 cấp Giấy chứng nhận sự phù hợp lĩnh vực chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm và lĩnh vực chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn.

3. Tài liệu viện dẫn

- Sổ tay chất lượng.
- TCVN ISO/IEC 17065:2013. Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình và dịch vụ.
- TCVN ISO/IEC 17021-1:2015. Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý – Phần 1: Các yêu cầu.
- TCVN IS/TS 22003:2015. Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – Yêu cầu đối với các tổ chức đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm.
- TCVN ISO/IEC 17030:2011. Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu chung về dấu phù hợp của bên thứ ba.
- TCVN 12134:2017 Nông nghiệp hữu cơ – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận.
- Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
- Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.
- Thông tư 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2019 quy định chi tiết một số điều của Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ. Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
- International Accreditation Forum, Inc (IAF) “Resolutions IAF thirty – second Annual General Assembly Singapore 29-31/10/2018”
- AG01 của Văn phòng Công nhận hướng dẫn sử dụng logo và dấu công nhận.

4. Định nghĩa và các từ viết tắt

NAFI1: Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 1

HC-TH: Hành chính - Tổng hợp.

Phòng CL: Phòng Chất lượng.

Khách hàng: Là tổ chức/ cá nhân sử dụng dịch vụ chứng nhận sự phù hợp của NAFI1.

Dấu hợp chuẩn: Dấu hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận đã đăng ký quy định về hình dạng, kết cấu, cách thể hiện và sử dụng dấu hợp chuẩn cấp cho đối tượng được chứng nhận hợp chuẩn và phải đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau đây:

- Bảo đảm rõ ràng, không gây nhầm lẫn với các dấu khác.
- Phải thể hiện được đầy đủ ký hiệu của tiêu chuẩn tương ứng dùng làm căn cứ chứng nhận hợp chuẩn.

5. Trách nhiệm

Phòng Chất lượng, phòng HC-TH có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Phòng/ bộ phận trong NAFI1 trong việc quản lý sử dụng logo và dấu hợp chuẩn.

Khách hàng được NAFI1 chứng nhận hợp chuẩn có trách nhiệm tuân thủ các quy định về việc sử dụng dấu hợp chuẩn của NAFI1.

6. Nội dung

6.1. Logo và dấu hợp chuẩn của NAFI1

a. Logo

- Là biểu tượng hình tròn, với đường màu vàng biểu thị bông lúa (*nông nghiệp*) và màu nước biển (*thủy sản*); Dấu tích màu xanh biểu thị sự ghi nhận.
- Logo của NAFI 1 được thiết kế như mô tả dưới đây:



Hình 1: Logo của NAFI1.



Hình 2: Mô tả cách dựng logo của NAFI1

- Font chữ và cỡ chữ: font chữ: NAFIQAD 1: stencil; cỡ chữ 40
- Kích thước: như mô tả tại hình 2
- Màu sắc thể hiện trên phần mềm Corel Draw:
 - + Màu bông lúa: Y 100
 - + Màu xanh trên dấu tích và hình cách điệu con cá: C 100 Y 100
 - + Màu chữ NAFIQAD 1: K 100
 - + Màu vòng tròn: C 100 M 50

b. Dấu chứng nhận hợp chuẩn

Dấu chứng nhận của NAFI1 là dấu hợp chuẩn được thiết kế như hình dưới đây:



- **AAA**: Là số hiệu của tiêu chuẩn dùng làm chuẩn mực chứng nhận.
Ví dụ: TCVN 5603:2008, TCVN 11892-1:2017, ISO 22000:2018
- **XXX-YYY**: Là mã số của cơ sở do NAFI1 cấp theo QĐ08-NAFI1.

c. Dấu chứng nhận hữu cơ

Dấu chứng nhận hữu cơ của NAFI1 là dấu hợp chuẩn được thiết kế như hình dưới đây:



- **XXX-YYY**: Là mã số của cơ sở do NAFI1 cấp theo QĐ08-NAFI1.

* Ghi chú:

- Dấu hợp chuẩn được in đúng theo màu đã nêu, không được dùng màu khác.
- Dấu hợp chuẩn có thể phóng to hoặc thu nhỏ một cách đồng nhất, tuy nhiên phải đủ lớn để phân chữ có thể đọc được rõ ràng.

6.3. Quản lý logo và Dấu chứng nhận.

- Logo của NAFI1 đã đăng ký bảo hộ tại Cục sở hữu trí tuệ. Mọi hành vi xâm phạm hoặc sử dụng trái phép logo này đều bị xử lý theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- Dấu chứng nhận (*dấu hợp chuẩn*) được NAFI1 cấp và quản lý thống nhất cho khách hàng trong phạm vi cả nước. Khách hàng được chứng nhận sẽ nhận được Dấu chứng nhận cùng với Quyết định chứng nhận và Giấy chứng nhận.

- Dấu chứng nhận sẽ được thu hồi và khách hàng sẽ phải chấm dứt việc sử dụng dấu chứng nhận trong các trường hợp sau:

- + Hết hạn chứng nhận và khách hàng không thực hiện đăng ký chứng nhận lại.
- + Khách hàng bị thu hồi Quyết định chứng nhận mà NAFI1 đã cấp.

+ Khách hàng đang bị NAFI1 đình chỉ/ hủy bỏ hiệu lực chứng nhận.

6.4. Sử dụng logo và dấu chứng nhận

- NAFI1 đã đăng ký bảo hộ đối với logo dùng làm Dấu hợp chuẩn và điều đó đồng nghĩa với việc chỉ NAFI1 và các Khách hàng được NAFI1 cho phép mới được quyền sử dụng Dấu này.

- Khách hàng không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận cũng như Dấu hợp chuẩn. Giấy chứng nhận và Dấu hợp chuẩn không được sử dụng để chủ ý hoặc vô tình gây ra sự hiểu lầm.

- NAFI1 không bắt buộc Khách hàng đã được NAFI1 đánh giá và chứng nhận phải sử dụng dấu hợp chuẩn này. Tuy nhiên, nếu có sử dụng dấu hợp chuẩn này, Khách hàng phải tuân thủ các quy định của NAFI1 dưới đây:

+ Khách hàng không được sử dụng Dấu hợp chuẩn như là biểu tượng, dấu hiệu riêng của mình.

+ Dấu hợp chuẩn của NAFI1 chỉ được sử dụng bởi Khách hàng và phải có sự liên hệ trực tiếp đối với tên gọi, cách ghi nhãn hàng hóa, nhãn hiệu hàng hóa hay biểu tượng của chính Khách hàng đó.

+ Không được chuyển Giấy và dấu hợp chuẩn cho bên thứ ba hoặc cho người kế thừa hợp pháp nếu không được phép của NAFI1.

- Dấu hợp chuẩn không được sử dụng theo những cách có thể hiểu nhầm là NAFI1 và/hoặc tổ chức đã đánh giá công nhận cho NAFI1 đã chứng nhận hay công nhận mang tính pháp lý cho hoạt động, sản phẩm/ dịch vụ của chính Khách hàng hay bất cứ một cách hiểu nhầm nào khác.

- Dấu hợp chuẩn đối với một Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm không được sử dụng (*in, dán, gắn*) trực tiếp trên sản phẩm hoặc gắn liền với sản phẩm để có thể gây hiểu nhầm rằng NAFI1 đã đánh giá và chứng nhận một nội dung cụ thể nào đó cho chính các sản phẩm đó. Việc sử dụng dấu hợp chuẩn Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm như trong bảng dưới đây:

Đặc điểm / cách sử dụng dấu hợp chuẩn		In/gắn trên sản phẩm (1)	In/Gắn trên bao bì bao gói (2)	In trong tiếp đầu thư/ Name Card/ Công văn giao dịch với mục đích quảng cáo
Sử dụng Dấu hợp chuẩn	Không có câu từ	Không được phép	Không được phép	Được phép
	Có câu từ (3)	Không được phép	Được phép	Được phép

(1) Có thể là chính sản phẩm hữu hình hoặc bao bì, thùng chứa sản phẩm. Trong hoạt động phân tích thử nghiệm, Phiếu kết quả thử nghiệm có thể coi như sản phẩm.

(2) Bao bì trực tiếp hoặc bao bì gián tiếp, bao bì để chuyên chở có thể không đến được người sử dụng cuối cùng.

(3) Câu từ nhằm đảm bảo tính chính xác, không gây nhầm lẫn.

- Khách hàng sử dụng dấu chứng nhận theo đúng nội dung văn bản ủy quyền về việc sử dụng dấu chứng nhận. Cụ thể:

+ Đối với lĩnh vực chứng nhận sản phẩm: BM.QĐ05-NAFI1.01

+ Đối với lĩnh vực chứng nhận hệ thống FSMS: BM.QĐ05-NAFI1.02

+ Đối với lĩnh vực chứng nhận hữu cơ: BM.QĐ05-NAFI1.03

+ Đối với lĩnh vực chứng nhận sản phẩm khác: BM.QĐ05-NAFI1.04

6.5. Sử dụng dấu công nhận

- Dấu công nhận là dấu được cơ quan công nhận (BoA) cấp cho NAFI1 có thiết kế như sau:



- Dấu công nhận bắt buộc phải sử dụng trên các chứng chỉ chứng nhận của NAFI1 cấp cho khách hàng đối với lĩnh vực chứng nhận được BoA công nhận còn hiệu lực.

- Khách hàng được NAFI1 ủy quyền sử dụng dấu chứng nhận kết hợp dấu công nhận mới được quyền sử dụng Dấu này. (nội dung ủy quyền được nêu tại BM.QĐ05-NAFI1.01)

- Khách hàng không được dùng riêng dấu công nhận trong bất kỳ những giấy tờ, tài liệu, báo, tạp chí, bao bì sản phẩm

- Dấu chứng nhận kết hợp dấu công nhận có thiết kế như sau:



*** Ghi chú:**

- Dấu chứng nhận kết hợp dấu công nhận được in đúng theo màu đã nêu, hoặc in không màu để phù hợp với những giấy tờ, tài liệu, báo, tạp chí đã in sẵn.

- Dấu chứng nhận kết hợp dấu công nhận có thể phóng to hoặc thu nhỏ một cách đồng nhất, tuy nhiên phải đủ lớn để phân chữ có thể đọc được rõ ràng.

- Các quy định trong sử dụng dấu chứng nhận kết hợp với dấu công nhận được áp dụng như mục 6.4 của Quy định này

7. Biểu mẫu

Ký hiệu biểu mẫu	Tên biểu mẫu
BM.QĐ05-NAFI1.01	Ủy quyền về việc sử dụng dấu chứng nhận VietGAP trồng trọt
BM.QĐ05-NAFI1.02	Ủy quyền về việc sử dụng dấu chứng nhận hệ thống FSMS
BM.QĐ05-NAFI1.03	Ủy quyền về việc sử dụng dấu chứng nhận hữu cơ
BM.QĐ05-NAFI1.04	Ủy quyền về việc sử dụng dấu chứng nhận sản phẩm khác